TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HS-PT
Ngày 16-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Huy Toàn.

Ông Lê Quân Vương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 12/2023/TLPT-HS ngày 31 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Trần Văn Mười và bị cáo Nguyễn Thành Đài do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 222/2022/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn M, sinh năm 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: ấp 4, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; nghề nghiệp: thợ kim hoàn; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình X và bà Đặng Thị T; bị cáo có vợ là bà Châu Thị Ả và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2022, có mặt.

2. Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1986 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký thường trú: khu phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định; chỗ ở: khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; nghề nghiệp: thợ kim hoàn; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Đ và bà Trần Thị Đ; bị cáo có vợ là bà Phạm Thị L và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2022, có mặt.

Ngoài ra, có 01 người đại diện hợp pháp của bị hại và 02 người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn M và Nguyễn Thành Đ là nhân viên gia công trang sức tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV tiệm vàng B, địa chỉ: đường NE8, khu phố 3A, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đầu tháng 4/2022, trong quá trình làm nhiệm vụ phân loại số trang sức bằng vàng 18K (trang sức do tiệm thu mua cũ, sau đó phân loại để gia công làm mới bán cho khách hàng khác, khoảng 01 tuần tiệm phân loại 01 lần), M lợi dụng lúc vợ chồng chủ tiệm không chú ý đã nhiều lần lén lút lấy trộm một số trang sức vàng 18K (không rõ số lần lấy, đặc điểm loại trang sức) cất giấu trong ngăn bàn làm việc của M. Đến cuối tháng 4/2022, M đem tất cả số trang sức vàng trộm được đến Tiệm vàng Kim H (địa chỉ: khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương) cân được 2,2 lượng và bán được số tiền 76.000.000 đồng.

Khoảng giữa tháng 4/2022, M rủ Đ cùng lấy trộm vàng tại Tiệm vàng B, Đ đồng ý. Sau đó, M và Đ đã nhiều lần lấy trộm số trang sức vàng 18K (không rõ số lần lấy, đặc điểm loại trang sức) bỏ vào chung 01 túi nylon màu đen cất giấu trong ngăn bàn làm việc của M. Đến đầu tháng 5/2022, Đ lén lút lấy bịch nylon chứa trang sức vàng trộm được đem ra ngoài tiệm vàng B và đưa cho M đem đến Tiệm vàng B (địa chỉ: khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương) cân được 3,9 lượng và bán được số tiền 122.000.000 đồng. Số tiền có được, M lấy 62.000.000 đồng và chia cho Đ 60.000.000 đồng, nhưng do Đ hỏi mượn 40.000.000 đồng nên M đưa cho Đ 100.000.000 đồng.

Khoảng cuối tháng 5/2022, Đ lấy trộm 03 nhẫn và 01 sợi dây chuyền vàng 18K cất giấu trong ngăn bàn làm việc của Đ, sau đó Đ đem ra khỏi Tiệm vàng Bảo T đưa cho M đem đi bán. Ngày 07/6/2022, M đem 03 nhẫn và 01 sợi dây chuyền bán tại Tiệm vàng B cân được 02 lượng và bán được số tiền 71.000.000 đồng. Số tiền có được, M lấy 11.000.000 đồng và đưa cho Đ 60.000.000 đồng, nhưng Đ không lấy tiền mặt mà nhờ M gửi trả nợ giúp Đ 20.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng Đ trả nợ cho M.

Khoảng 07 giờ ngày 05/6/2022, Đ và M cùng anh L phân loại trang sức vàng 18K. Lợi dụng việc anh L không chú ý, M và Đ tiếp tục lén lút lấy trộm trang sức vàng cất giấu vào túi quần. Trong đó: M lấy trộm 04 sợi dây chuyền vàng 18K, gồm: 01 dây bín dẹp khối lượng 1L304,1; 01 dây lật bọng khối lượng 1L011,4; 01 dây đuôi phụng khối lượng 3C05,6; 01 dây châu pi khối lượng 6C52,5, tổng cộng 3L003,6 lượng; Đ lấy trộm 02 sợi dây chuyền vàng 18K, gồm: 01 dây cong ống khối lượng 2C45,2; 01 dây cong ống khối lượng 2C42,2, tổng 4C487,4. Lần này, giữa Đ và M tự lấy trộm riêng, không có sự bàn bạc thỏa thuận gì trước với nhau. Sau khi lấy trộm vàng, Đ đi vào phòng gia công lấy 02 sợi dây chuyền cất vào ngăn bàn làm việc của Đ, rồi đi ra ngoài. Khoảng

05 phút sau, M đi vào phòng gia công cất 04 sợi dây chuyền vào ngăn bàn làm việc của M (bàn làm việc của Đ và M đặt cạnh nhau), rồi M đi ra sảnh trưng bày của tiệm. Lúc này, anh L thấy M có biểu hiện nghi vấn nên hỏi có phải M lấy trộm vàng không thì M thừa nhận đã lấy trộm 01 dây chuyền đuôi phụng, 01 dây chuyền châu pi, rồi đi vào phòng gia công lấy 02 sợi dây chuyền này đem ra trả lại cho anh L. Tiếp đó, M đi vào lại phòng gia công lấy 01 dây chuyền bín dẹp và 01 dây chuyền lật bọng nhờ Đ cất giấu dùm vì M sợ anh L sẽ kiểm tra hộc bàn của M. Sau đó, anh L cho M nghỉ việc, còn Đ vẫn làm việc bình thường do anh L không biết việc Đ lấy trộm vàng. Đến trưa ngày 06/6/2022, Đ lấy 02 sợi dây chuyền của M nhờ cất giấu đem ra ngoài tiệm vàng B đưa lại cho M. Ngày 07/6/2022, M đem 02 sợi dây chuyền này đến tại tiệm vàng B cân được 2L315,5 và bán được số tiền 79.000.000 đồng. Ngày 08/6/2022, Đ đem 02 sợi dây chuyền do Đ lấy trộm đến tiệm vàng trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (không rõ địa chỉ) cân được 4C87,4 và bán được số tiền 12.000.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng cuối tháng 4/2022, Đài tự một mình lấy trộm 06 nhẫn và 03 mặt dây chuyền vàng 18K. Sau đó, Đ đem số vàng này đến tiệm vàng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ) cân được 01 lượng và bán được số tiền 30.000.000 đồng.

Số tiền có được sau khi bán số vàng lấy trộm, M và Đ sử dụng chơi cá độ đá bóng trên mạng Internet và đến các dịch vụ chuyển tiền (không rõ địa chỉ) để nhờ chuyển tiền cho các đối tượng tham gia cá độ đá bóng (không rõ lai lịch).

Đến ngày 15/6/2022, anh L xem lại hình ảnh camera thì phát hiện vào ngày 05/6/2022 M và Đ đều lấy trộm trang sức vàng 18K trong khi phân loại vàng nên anh L đến Công an phường Thới Hòa trình báo. Cùng ngày, M và Đ đến Công an phường Thới Hòa đầu thú về hành vi trộm cắp vàng tại tiệm vàng B từ đầu tháng 4/2022 đến ngày 05/6/2022, đồng thời M giao nộp lại số tiền 79.000.000 đồng. Sau đó, vụ việc chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- 01 USB chứa đoạn video ghi lại hình ảnh Trần Văn M và Nguyễn Thành Đ thực hiện hành vi trộm cắp ngày 05/6/2022;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS, màu vàng hồng, dung lượng 64GB của Nguyễn Thành Đ;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A51, màu đen của Trần Văn M.

Theo Kết luận định giá tài sản số 75 ngày 21/6/2022, số 103 ngày 11/8/2022 và số 121 ngày 14/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát, kết luận:

- 01 dây bín dẹp khối lượng 1L304,1 trị giá 52.187.444 đồng; 01 dây lật bọng khối lượng 1L011,4 trị giá 44.423.532 đồng; 01 dây đuôi phụng khối

lượng 3C05,6 trị giá 12.206.466 đồng; 01 dây châu pi khối lượng 6C52,5 trị giá 26.093.822 đồng; 01 dây cong ống khối lượng 2C45,2 trị giá 9.805.194 đồng; 01 dây cong ống khối lượng 2C42,2 trị giá 9.685.130 đồng.

- 2,2 lượng vàng loại 18K trị giá 89.496.000 đồng; 3,9 lượng vàng loại 18K trị giá 156.585.000 đồng; 02 lượng vàng loại 18K trị giá 80.300.000 đồng.

- 01 lượng vàng loại 18K trị giá 40.680.000 đồng.

Ngày 07/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý vật chứng giao lại số tiền 79.000.000 đồng cho ông Trần Kim L là đại diện hợp pháp của tiệm vàng B.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Văn M tác động vợ của mình là bà Châu Thị Ả và Nguyễn Thành Đ tác động vợ của mình là bà Phạm Thị L bồi thường cho ông Trần Kim L là người đại diện hợp pháp của bị hại với tổng số tiền 360.000.000 đồng (mỗi người bồi thường 180.000.000 đồng). Ông L không yêu cầu giải quyết gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 222/2022/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn M và bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Trần Văn M mức án 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/6/2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ mức án 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/6/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, bị cáo M và bị cáo Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là quá cao so với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 222/2022/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo M 11 năm tù và bị cáo Đ 10 năm 06 tháng tù cùng về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 04 tháng 01 năm 2023, các bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của các bị cáo như Tòa án cấp sơ thẩm xác định, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp. Các bị cáo kháng cáo

nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Thành Đ, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 222/2022/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng, bị cáo Mười, bị cáo Đài mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định; các bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: từ khoảng giữa tháng 4 năm 2022 đến ngày 05/6/2022 tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tiệm vàng B, địa chỉ: đường NE8, khu phố 3A, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, bị cáo M và bị cáo Đ đã thực hiện hành vi cùng lén lút chiếm đoạt của bị hại là vàng trang sức loại 18K có tổng khối lượng 8L215,5 với tổng trị giá 333.495.976 đồng. Cụ thể: lần thứ nhất các bị cáo chiếm đoạt 3,9 lượng vàng trị giá 156.585.000 đồng; lần thứ hai các bị cáo chiếm đoạt 02 lượng vàng trị giá 80.300.000 đồng và lần thứ ba, các bị cáo chiếm đoạt 2L315,5 trị giá 96.610.976 đồng. Ngoài ra, bị cáo M còn tự mình lén lút chiếm đoạt trang sức vàng 18K tổng khối lượng 3L158,1 với tổng trị giá 127.796.288 đồng (lần thứ nhất chiếm đoạt 2,2 lượng vàng trị giá 89.496.000 đồng; lần thứ hai chiếm đoạt 9C58,1 vàng trị giá 38.300.288 đồng. Bị cáo Đài còn tự mình lén lút chiếm đoạt trang sức vàng 18K tổng khối lượng 1L487,1 với tổng trị giá 60.170.324 đồng (lần thứ nhất chiếm đoạt 01 lượng vàng trị giá 40.680.000 đồng; lần thứ hai chiếm đoạt 4C87,4 vàng trị giá 19.490.324 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền

sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã đầu thú đối với hành vi bị hại phát hiện và tự thú về hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại đối với những lần khác; đã tác động người thân bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và được người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo là đúng. Tuy nhiên, xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, thái độ khai báo của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo cũng như việc hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã được khắc phục toàn bộ thì mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là nặng, chưa phù hợp và chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, có cơ sở giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo, sớm được hòa nhập cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Kháng cáo của các bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo là không phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[7] Án phí phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Về trách nhiệm hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Thành Đ, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 222/2022/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Thành Đ.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn M và bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2

Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/6/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/6/2022.

2. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn M, Nguyễn Thành Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GĐKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát (2);
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Bến Cát;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát;
- Bị cáo (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án, NTN, 16.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Trứ